TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **104**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

Ông **Hồ Hải Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên toà:

Ông **Ngô Bảo Nhật Linh** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ H**

Cư trú tại: đường H , thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**

Cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Lê Văn H kết hôn với nhau năm 2001 tại UBND xã N, thị xã N. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả do ông H xúc phạm đến lòng tự trọng của bà và đôi lúc còn dùng bạo lực với bà. Hơn nữa

bà và ông H đã không sống chung với nhau từ tháng 3/2016, không ai quan tâm đến ai. Nay bà không còn tình cảm với ông H nên xin ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Quốc C, sinh ngày: 07/12/2001 và Lê Ái V, sinh ngày: 08/9/2006. Khi ly hôn bà xin nuôi cháu V và giao cháu C cho ông H nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung: Bà H không yêu cầu tòa giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Trương Thị Mỹ H kết hôn với nhau năm 2001 tại UBND xã N, thị xã N. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Quốc C, sinh ngày 07/12/2001 và Lê Ái V, sinh ngày 08/9/2006. Trường hợp tòa giải quyết ly hôn thì ông xin nuôi cháu C, giao cháu V cho bà H nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung: Ông H không yêu cầu tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trương Thị Mỹ H được ly hôn ông Lê Văn H.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Quốc C, sinh ngày 07/12/2001 và Lê Ái V, sinh ngày 08/9/2006. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ái V, sinh ngày 08/9/2006 và ông H yêu cầu được nuôi cháu Lê Quốc C, sinh ngày 07/12/2001 phù hợp với ý kiến của cháu C, cháu V. Không yêu cầu bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà H, ông H không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị Mỹ H và ông Lê Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã N đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, hay kình cãi do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần ông H xúc phạm đến lòng tự trọng và đôi lúc còn dùng bạo lực với bà. Ông H thì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn cố tình không đến để tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông H không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Ái V, sinh ngày 08/9/2006 và ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Quốc C, sinh ngày 07/12/2001 phù hợp với nguyện vọng của cháu C và cháu V. Vì vậy, tiếp tục giao cháu C cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu V cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: Bà H, ông H không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trương Thị Mỹ H được ly hôn ông Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc C, sinh ngày 07/12/2001 cho ông Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lê Ái V, sinh ngày 08/9/2006 cho bà Trương Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông H , bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Bà H, ông H không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004003 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH